

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày 03-7-2024
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Ngọc Diệp
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hồng Khanh và bà Phan Thị Thiện
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Bà Lê Trịnh Xuân Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

* **Bị đơn:** Ông Vũ Đức T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà Nguyễn Thị P (nguyên đơn) và ông Vũ Đức T (bị đơn) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào ngày 04/7/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Thôn E, xã E,

huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm vợ chồng không hợp nhau, bị đơn thường xuyên uống rượu, không chịu chăm lo làm ăn để nuôi dạy con cái nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung và đã sống ly thân từ ngày 02/4/2024 đến nay mặc dù đã được gia đình và bạn bè hòa giải nhiều lần nhưng không thể đoàn tụ. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Qua quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung là cháu Vũ Thiên T1, sinh ngày 12/4/2004, cháu Vũ Đức C, sinh ngày 12/6/2010 và cháu Vũ Đức T2, sinh ngày 24/02/2016. Hiện tại các cháu đang sống chung với nguyên đơn. Sau khi ly hôn, nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C và cháu T2 đến tuổi thành niên. Đối với cháu T1 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn khởi kiện và các lời khai quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Vũ Đức T trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến cãi nhau và phát sinh những mâu thuẫn nhỏ nhặt. Bản thân ông T vẫn còn yêu thương vợ con, nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông T không đồng ý, nếu nguyên đơn cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì bị đơn đồng ý giao cháu Vũ Đức C, sinh ngày 12/6/2010 và cháu Vũ Đức T2, sinh ngày 24/02/2016 cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai của cháu Vũ Đức C và cháu Vũ Đức T2 cùng ngày 09/4/2024 thì nguyện vọng của các cháu mong muốn ở với mẹ cháu là bà Nguyễn Thị P.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước

thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn. Về con chung giao cháu Vũ Đức C, sinh ngày 12/6/2010 và cháu Vũ Đức T2, sinh ngày 24/02/2016 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi con chung với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn ông Vũ Đức T có nơi cư trú tại Thôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào ngày 04/7/2004 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống ông bà chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm vợ chồng không hợp nhau, ông T thường xuyên uống rượu, không chịu chăm lo làm ăn để nuôi dạy con cái nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung và đã sống ly thân từ ngày 02/4/2024 đến nay mặc dù đã được gia đình và bạn bè hòa giải nhiều lần nhưng không thể đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã phân tích hòa giải để ông bà đoàn tụ về chung sống với nhau nhưng không có kết quả. Phía ông T có ý kiến vẫn còn tình cảm với bà P nhưng không tham gia hòa giải tại Tòa án để gặp gỡ trao đổi, bàn bạc tháo gỡ mâu thuẫn mà tiếp tục duy trì cuộc sống ly thân, không thể hiện được thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu

cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung là cháu Vũ Thiên T1, sinh ngày 12/4/2004, cháu Vũ Đức C, sinh ngày 12/6/2010 và cháu Vũ Đức T2, sinh ngày 24/02/2016.

Xét nguyện vọng của các đương sự và của 02 con chung đều trình bày hiện nay đang do bà P chăm sóc, nuôi dưỡng và có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Vũ Đức C và cháu Vũ Đức T2 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên. Đối với cháu Vũ Thiên T1 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 228, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Vũ Đức T.
2. Về con chung: Giao cháu Vũ Đức C, sinh ngày 12/6/2010 và cháu Vũ Đức T2, sinh ngày 24/02/2016 cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau

khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2023/0006534 ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện Cư Kuin;
- UBND xã Ea H;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Ngọc Diệp